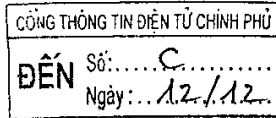


TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2249/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Huy hiệu "Vi Nghĩa vụ Quốc tế"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại Tờ trình số 9239/TTr-BQP ngày 31 tháng 10 năm 2014 và của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 2790/TTr-BTĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Truy tặng, tặng Huy hiệu "Vi Nghĩa vụ Quốc tế" cho 119 cán bộ, chuyên gia (có Danh sách kèm theo), đã có thành tích giúp đỡ cách mạng Campuchia giai đoạn 1979 - 1989.

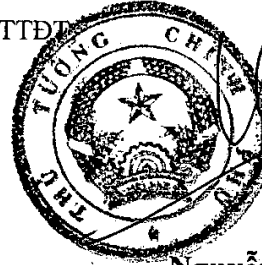
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

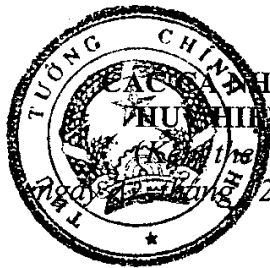
Nơi nhận:

- Bộ Quốc phòng;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn; Tổng GD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), ND. Hào, 10 b.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH

HÀN ĐƯỢC TRUY TẶNG, TẶNG

PHU HIỆU "VÌ NGHĨA VỤ QUỐC TẾ"

Quyết định số: 2249 /QĐ-TTg

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TRUY TẶNG

TT	Họ và tên	Quê quán
1.	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

II. TẶNG:

TT	Họ và tên	Quê quán
1.	Ông Nguyễn Quang Dung	Xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh
2.	Ông Bùi Ngọc Sách	Phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
3.	Ông Hồ Thanh Lân	Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
4.	Ông Mai Văn San	Xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
5.	Ông Nguyễn Đăng Bảo	Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
6.	Ông Phan Xuân Hoàng	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
7.	Ông Vũ Văn Quế	Xã Nam Kinh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
8.	Ông Nguyễn Văn Công	Xã An Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
9.	Ông Huỳnh Văn Cán	Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
10.	Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
11.	Ông Trịnh Đức Bằng	Xã Hồng Thái, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
12.	Ông Lê Văn Đăng	Xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
13.	Ông Hồ Văn Định	Xã Thanh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

14.	Ông Nguyễn Thanh Thiện	Xã Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
15.	Ông Hoàng Văn Cầu	Xã Hoảng Hả, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
16.	Ông Phạm Quang Huy	Xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
17.	Ông Phạm Văn Đi	Xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
18.	Ông Huỳnh Văn Đẹp	Xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
19.	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
20.	Ông Phan Văn Hoà	Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An
21.	Ông Võ Văn Lẹ	Xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
22.	Ông Nguyễn Hữu Ái	Xã Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
23.	Ông Phan Xuân Nghĩa	Xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
24.	Ông Hoàng Anh Thi	Xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
25.	Ông Hoàng Trọng Tân	Xã Nam Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
26.	Ông Trần Tiến Vô	Xã Yên Đức, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
27.	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
28.	Ông Trần Viết Lan	Xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
29.	Ông Phạm Hải Truyền	Xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
30.	Ông Hoàng Hoa Trung	Xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
31.	Ông Nguyễn Khánh Vịnh	Xã Mai Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
32.	Ông Thái Thanh Em	Xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An
33.	Ông Nguyễn Văn Bình	Xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
34.	Ông Nguyễn Văn Thiêm	Xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
35.	Ông Trần Kim Vinh	Xã Thanh Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
36.	Ông Trần Văn Tiến	Xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

37.	Ông Phạm Văn Nhi	Xã Mỹ Lương, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
38.	Ông Vũ Minh Giang	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
39.	Ông Hoàng Nuôi	Phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
40.	Ông Nguyễn Văn Tiến	Xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
41.	Ông Đỗ Chây Him	Xã Xuân Tô, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
42.	Ông Trần Văn Nhân	Xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
43.	Ông Bùi Văn Nghĩa	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
44.	Ông Nguyễn Văn Thu	Xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
45.	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
46.	Ông Vũ Hải	Xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
47.	Ông Nguyễn Văn Thìn	Thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
48.	Ông Đào Danh Quý	Xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
49.	Ông Đào Văn Đối	Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
50.	Ông Võ Thành Long	Xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
51.	Ông Thái Văn Trí	Xã Ngọc Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
52.	Ông Hồ Sỹ Dũng	Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
53.	Ông Nguyễn Quốc Vinh	Xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
54.	Ông Trương Văn Ngần	Xã Bái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
55.	Ông Nguyễn Văn Nhiều	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
56.	Ông Nguyễn Trung Chính	Xã Quảng Thủy, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
57.	Ông Trần Đức Liên	Xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
58.	Ông Nguyễn Đình Trinh	Xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

59.	Ông Nguyễn Bá Tư	Xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
60.	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
61.	Ông Võ Xuân Long	Xã Vĩnh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
62.	Ông Nguyễn Văn Quyền	Phường Bến Thành, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
63.	Ông Nguyễn Viết Chung	Phường Trung Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
64.	Ông Nguyễn Trường Thi	Phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
65.	Ông Nguyễn Văn Đăng	Xã Định Thanh, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
66.	Ông Phan Đăng Kỳ	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
67.	Ông Trần Văn Hiền	Xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
68.	Ông Nguyễn Thái Bạt	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
69.	Ông Nguyễn Sỹ Tổ	Xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
70.	Ông Nguyễn Văn Chí	Xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
71.	Ông Vũ Đình Chiến	Xã Sơn Phú, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
72.	Ông Đặng Công Danh	Thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh
73.	Ông Nguyễn Văn Thúc	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
74.	Ông Nguyễn Ngọc Thìn	Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
75.	Ông Hoàng Ngọc Trung	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
76.	Ông Nguyễn Văn Phương	Huyện Long Đức, tỉnh Trà Vinh
77.	Bà Khuất Thị Tuyết	Xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
78.	Bà Trần Thị Hằng	Xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
79.	Bà Nguyễn Thị Nhiều	Phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
80.	Bà Hà Thị Liễu	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
81.	Bà Nguyễn Loan Chi	Xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

82.	Bà Nguyễn Thị Vân	Phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
83.	Bà Trần Thị Thùy Vân	Xã Đông Phú, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
84.	Bà Lê Thị Kim Yến	Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
85.	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
86.	Bà Trần Thị Hồng Minh	Xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
87.	Bà Võ Thị Lan	Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
88.	Bà Đinh Thị Bình	Phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
89.	Bà Đỗ Thị Kim Anh	Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
90.	Bà Khương Vân Yến	Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
91.	Bà Phạm Thị Kim Anh	Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
92.	Bà Tạ Thị Xuân	Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
93.	Ông Phùng Danh Đề	Xã Phạm Chấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
94.	Ông Phạm Sỹ Hùng	Xã Quảng Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
95.	Ông Phạm Văn Thường	Xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
96.	Ô. Nguyễn Trọng Thiệu	Xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
97.	Ông Phạm Thanh Tuấn	Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
98.	Ông Nguyễn Văn Vẻ	Xã Văn Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
99.	Ông Trương Võ Phi	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
100.	Ông Trương Văn Minh	Xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
101.	Ông Bùi Văn Cẩn	Xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
102.	Ông Nguyễn Quang Tạc	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
103.	Ông Nguyễn Quang Tĩnh	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

104.	Ông Phạm Văn Thính	Xã Quang Trung, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
105.	Ông Chu Văn Hồng	Xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
106.	Ông Bùi Văn Liêm	Xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
107.	Ông Cù Xuân Toàn	Xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
108.	Ông Nguyễn Văn Khương	Xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
109.	Ông Nguyễn Ngọc An	Xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
110.	Ông Lưu Hữu Ngọc	Xã Lang Sơn, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
111.	Ông Nguyễn Thế Hùng	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
112.	Ông Phạm Đức Mạnh	Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
113.	Ô. Nguyễn Mạnh Cường	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
114.	Đỗ Ngọc Hùng	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
115.	Ông Trần Hữu Phước	Phường Tân An, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
116.	Ông Đoàn Văn Mỹ	Xã Chánh Phú Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
117.	Bà Võ Thị Nhung	Phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
118.	Ông Phạm Hiền Lương	Xã Trường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long./.

Đã có thành tích giúp đỡ cách mạng Campuchia giai đoạn 1979 - 1989./.